

Bản án số: 47/2024/HS-ST
Ngày 15-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

- **Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 196/TB-TA ngày 11 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Dương Đức B, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1998 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đức C và bà Đỗ Thị U; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 04/2018/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt 48 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 01 năm 2024, đến ngày 19 tháng 01 năm 2024 chuyển được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1993 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng L và bà Nguyễn Thị M; có chồng là Đỗ Văn C (đã ly hôn năm 2019) và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 01 năm 2024, đến ngày 19 tháng 01 năm 2024 chuyển được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

3. Đỗ Văn T, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1990 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Đào Thị T; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 01 năm 2024, ngày 19 tháng 01 năm 2024 chuyển tạm giam, đến ngày 21 tháng 3 năm 2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt

- *Người làm chứng*: Ông Phan Văn H, anh Nguyễn Việt C, chị Lò Thị Đ và chị Hà Thị H; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà nghỉ Hương Đồng ở thôn An Luận, xã An Tiến, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng là của Nguyễn Thị T và Dương Đức B thuê của ông Ngô Văn Ú từ ngày 27-12-2023 để kinh doanh dịch vụ lưu trú. T và B thuê Đỗ Văn T làm quản lý nhà nghỉ và thống nhất với T nếu có người đến nhà nghỉ hỏi mua dâm thì T sẽ chủ động liên hệ với gái bán dâm để kiếm tiền thuê phòng. Tiền phòng của khách mua dâm là 100.000 đồng/01 giờ/01 phòng, từ giờ thứ hai sẽ thu thêm 10.000/01 giờ.

Khoảng 14 giờ 20 phút, ngày 16-01-2024, do có quen biết trước nên Nguyễn Việt C gọi điện thoại cho Lò Thị Đ đề nghị Đ bán dâm cho C. Đ đồng ý và bảo C đến nhà nghỉ Hương Đồng. C rủ Phan Văn H cùng đi mua dâm với mình. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, C và H đến nhà nghỉ Hương Đồng gặp T đang ở quầy lễ tân. C bảo T cho C và H thuê mỗi người 01 phòng nghỉ, đồng thời nói với T về việc đã liên lạc với Đ để mua dâm, bảo T gọi thêm cho H một gái bán dâm, T liên lạc với Hà Thị H là người có quen biết từ trước để bán dâm cho H. Sau đó, T sắp xếp cho C và Đ mua bán dâm tại phòng 107, H và H mua bán dâm tại phòng 108 của nhà nghỉ. C đưa cho Đ 2.000.000 đồng, trong đó có tiền mua dâm trả cho Đ, H và tiền thuê 02 phòng. Đến khoảng 14 giờ 50 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an huyện An Lão kiểm tra và bắt quả tang tại phòng 107, Đ đang bán dâm cho C, thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su, 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng của C, 01 điện thoại di động Oppo A15S màu xanh và 01 điện thoại di động Oppo A1K màu đỏ của Đ, số tiền 2.000.000 đồng C trả cho Đ; tại phòng 108, H đang bán dâm cho H, thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su và 01 điện thoại di động Iphone 13 màu hồng của H.

Đến ngày 17-01-2024, T và B đến Công an huyện an Lão đầu thú. T tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động Iphone 11 ProMax màu vàng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các điện thoại di động nêu trên cho Đ, H và C.

Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 20-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão truy tố T, B và T về tội Chứa mại dâm, theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình đúng như Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội:

Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Khoảng 14 giờ 50 phút, ngày 16-01-2024, tại nhà nghỉ Hương Đồng ở thôn An Luận, xã An Tiến, huyện An Lão, B, T và T có hành vi chứa chấp việc mua bán dâm giữa Đ với C tại phòng 107 và giữa H với H tại phòng 108 của nhà nghỉ để thu lời bất chính bị Công an huyện An Lão bắt quả tang. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, trong đó, T là người đứng tên trong hợp đồng thuê nhà nghỉ và quản lý thu, chỉ nên có vai trò tích cực nhất, sau đó đến B, T có vị trí, vai trò thứ yếu và thấp nhất. Theo công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07-4-2017 của Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi vụ việc bị phát hiện, B và T đã đầu thú. B có nhân thân xấu. T và T có nhân thân tốt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng theo khoản 1 Điều 327, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt B từ 15 đến 18 tháng tù, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 327, Điều 17, điểm i (áp dụng với T) và s khoản 1, khoản 2 (áp dụng với T) Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018, xử phạt T từ 18 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng; xử phạt T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, các điểm b và c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho Tiệp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu vàng; tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng; tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng có được từ việc mua bán dâm và chứa mại dâm.

- Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, ăn năn, hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của

cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 14 giờ 50 phút, ngày 16-01-2024, tại nhà nghỉ Hương Đồng ở thôn An Luận, xã An Tiến, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Dương Đức B, Nguyễn Thị T và Đỗ Văn T có hành vi chứa chấp việc mua bán dâm giữa Lò Thị Đ với Nguyễn Việt C tại phòng 107 và Hà Thị H với Phan Văn H tại phòng 108 của nhà nghỉ đề thu lời bắt chính bị Công an huyện An Lão bắt quả tang. Vì vậy, có cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của B, T và T đủ yếu tố cấu thành tội Chứa mại dâm, theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão truy tố các bị cáo về tội danh, khung hình phạt là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. T có vị trí, vai trò thứ yếu trong đồng phạm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng* theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. B và T đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] *Về nhân thân:* Bị cáo B có một tiền án tuy đã được xóa nhưng thể hiện nhân thân xấu. Bị cáo T và bị cáo T có nhân thân tốt.

[7] *Về cá thể hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm:* Vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn; không có người tổ chức, chỉ huy; không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm. Nhà nghỉ Hương Đồng là do B và T thuê để kinh doanh, T là người đứng tên hợp đồng thuê và quản lý thu, chi, T là người làm thuê cho B và T. Do đó, T có vai trò tích cực nhất, sau đó đến B, T có vai trò thấp nhất trong đồng phạm. Theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự, T chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn B và T.

[8] *Về hình phạt chính:* Biên có 02 tình tiết giảm nhẹ nhưng có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt; thời gian bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành án. T và T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử chỉ cần xử phạt hai bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cũng đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và giáo dục đối với các bị cáo.

[9] *Về hình phạt bổ sung*: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

[10] *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại các điện thoại di động cho Đ và H là đúng quy định của pháp luật. Chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu vàng của T không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho T theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Số tiền 2.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã qua sử dụng không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] *Về vấn đề khác*: Công an huyện An Lão đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ, H, C và H về hành vi mua bán dâm là đúng pháp luật.

[12] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327, Điều 17, Điều 38 (áp dụng với Dương Đức B), điểm i (áp dụng với Đỗ Văn T) và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 (áp dụng đối với Dương Đức B và Nguyễn Thị T) của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố các bị cáo Dương Đức B, Nguyễn Thị T và Đỗ Văn T phạm tội Chứa mại dâm.

Hình phạt:

- Xử phạt Dương Đức B 15 (*mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 17 tháng 01 năm 2024 đến ngày 19 tháng 01 năm 2024.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Dương Đức B không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Xử phạt Nguyễn Thị T 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (*ba mươi sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Đỗ Văn T 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*hai mươi tư*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, giao bị cáo Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo

tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, các điểm b và c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho Nguyễn Thị T 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu vàng; tịch thu tiêu hủy 02 (hai) vỏ bao cao su và 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa Công an huyện An Lão với Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) thể hiện tại Ủy nhiệm chi lập ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Kho bạc nhà nước An Lão - Hải Phòng.

Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc Dương Đức B, Nguyễn Thị T và Đỗ Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện An Lão;
- Cơ quan THAHS Công an huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt